ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA ĐỊA LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐỊA LÝ
## Chuyên ngành Bản Đồ, Viễn thám và GIS

### KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

| TT | Mã môn học | Tên môn học | Bắt buộc | Tự chọn | Số tiết | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Kiến thức Chuyên ngành BĐ-VT-GIS (47 TC)** | | | **32** | **15** | | |
| 1 | DIA049 | Môi trường học cơ bản<br>**Fundamentals of environment study** | | 2 | 30 | |
| 2 | DIA078 | Thống kê ứng dụng<br>**Applied statistics** | 2 | | 30 | |
| 3 | DIA069 | Quy hoạch và quản lý đô thị<br>**Urban planning and management** | | 3 | 45 | |
| 4 | DIA005 | Chính sách phát triển vùng<br>**Regional development policy** | | 2 | 30 | |
| 5 | DAI045 | Tin học ứng dụng (SPSS)<br>**Applied Informatics (SPSS)** | | 3 | 45 | |
| 6 | DIA061 | Phương pháp nghiên cứu trong chuyên ngành GIS<br>**Research methodology of GIS** | 3 | | 45 | |
| 7 | DIA075 | Thể hiện dữ liệu địa lý<br>**Visualization of spatial data - geovisualization** | 2 | | 30 | |
| 8 | DIA080 | Thu thập và xử lý dữ liệu địa lý<br>**Geographical data collection & proccess** | 3 | | 45 | |
| 9 | DIA011 | Cơ sở dữ liệu GIS<br>**GIS database** | 2 | | 30 | |
| 10 | DIA054 | Phân tích GIS<br>**GIS analysis** | 3 | | 45 | |
| 11 | DIA081 | Thực hành GIS nâng cao<br>**Advanced GIS practice** | 2 | | 30 | |
| 12 | DIA101 | Xử lý và giải đoán ảnh<br>**Image processing and interpretation** | 3 | | 45 | |
| 13 | DIA097 | Viễn thám nâng cao<br>**Advanced remote sensing** | 2 | | 30 | |
| 14 | DIA042 | Lập trình cơ bản<br>**Fundamentals of programming** | 3 | | 45 | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | DIA055 | Phân tích và xây dựng dữ liệu viễn thám<br>**Analysis and use of remote sensing data** | | 2 | 30 | |
| 16 | DIA043 | Lập trình GIS 1<br>**GIS 1 programming** | 3 | | 45 | |
| 17 | DIA044 | Lập trình GIS 2<br>**GIS 2 programming** | | 3 | 45 | |
| 18 | DIA100 | Xây dựng và quản lý dự án GIS<br>**GIS project management and implementation** | | 2 | 30 | |
| 19 | DIA094 | Ứng dụng GIS & Viễn thám trong quản lý môi trường/ đô thị<br>**Application of GIS & RS for urban and environmental management** | | 2 | 30 | |
| 20 | DIA029 | Hệ thống thông tin môi trường<br>**Environmental information system** | | 3 | 45 | |
| 21 | DIA107 | Ứng dụng GIS trong phân tích thị trường<br>**Applied GIS in marketing analysis** | | 2 | 30 | |
| 22 | DIA025 | Đồ án chuyên ngành Bản đồ, VT và GIS<br>**Graduation project** | | 5 | 75 | |
| 23 | DIA088 | Thực tập thực tế chuyên ngành GIS<br>**Fieldtrip** | 2 | | 30 | |
| 24 | DIA089 | Thực tập tốt nghiệp<br>**Graduation internship** | 2 | | 30 | |
| 25 | DIA031 | Khóa luận tốt nghiệp<br>**Bachelor thesis** | | 10 | 150 | |
| | | **Tổng cộng** | **32+15=47** | | | |